

Số: 26/2023/QĐST-HNGĐ

P, ngày 06 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN T LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H

- Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 397; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 35/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/5/2023 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận T ly hôn, nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Hà Văn T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện P, tỉnh H;

- Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện P, tỉnh H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Hà Ngọc Kiều Tr, sinh ngày 04/5/2009;

+ Cháu Hà Ngọc Anh Th, sinh ngày 28/5/2010;

+ Cháu Hà Huy H, sinh ngày 07/5/2012;

+ Cháu Hà Ngọc Thiên K, sinh ngày 18/01/2019;

Cùng địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện P, tỉnh H

Người đại diện hợp pháp của cháu Tr, cháu Th, cháu H, cháu K: Anh Hà Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc A là bố mẹ đẻ của các cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện P ngày 11/7/2008 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị A là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống, đến năm 2019 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, Thờng xuyên xảy ra cãi nhau, xúc phạm đến nhau. Ngoài ra, còn do vợ chồng không tin tưởng, nghi ngờ lẫn nhau trong các quan hệ bên ngoài xã hội nên T cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, sống với nhau không có hạnh phúc. Anh T và chị A đã sống ly thân nhau từ năm 2022 cho đến nay mỗi người ở một nơi, vợ chồng không còn quan tâm và không có trách nhiệm gì với nhau nữa. Anh T và chị A xác nhận đến nay vợ chồng không còn T cảm, đều thống nhất thuận T ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Anh Hà Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc A xác nhận vợ chồng có 04 con chung là các cháu Hà Ngọc Kiều Tr, sinh ngày 04/5/2009; Hà Ngọc Anh Th, sinh ngày 28/5/2010; Hà Huy H, sinh ngày 07/5/2012; Hà Ngọc Thiên K, sinh ngày 18/01/2019. Ly hôn, anh T và chị A thỏa thuận thống nhất, giao các cháu Tr, cháu Th, cháu H cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Tr, cháu Th, cháu H đủ 18 tuổi; giao cháu K cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Anh T và chị A tự nguyện thỏa thuận thống nhất không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Sau khi ly hôn, anh Hà Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc A được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được quyền cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Hà Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc A xác nhận anh, chị không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Hà Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc A thỏa thuận thống nhất, anh T tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm yêu cầu công nhận thuận T ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, việc thỏa thuận các vấn đề trong vụ việc của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 29/5/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận T ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc A nhất trí thuận T ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh Hà Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc A xác nhận vợ chồng có 04 con chung là các cháu Hà Ngọc Kiều Tr, sinh ngày 04/5/2009; Hà Ngọc Anh Th, sinh ngày 28/5/2010; Hà Huy H, sinh ngày 07/5/2012; Hà Ngọc Thiên K, sinh ngày 18/01/2019. Ly hôn, anh T và chị A thỏa thuận thống nhất, giao các cháu Tr, cháu Th, cháu H cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Tr, cháu Th, cháu H đủ 18 tuổi; giao cháu K cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Anh T và chị A tự nguyện thỏa thuận thống nhất không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Sau khi ly hôn, anh Hà Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc A được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Hà Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc A xác nhận anh, chị không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Hà Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc A thỏa thuận anh T tự nguyện nhận chịu toàn bộ 300.000 đồng tiền lệ phí sơ thẩm việc hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006257 ngày 17/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H. Anh T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có H lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra NVXX và THAHS
- TAND tỉnh H;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Q